

Bản án số: 11/2020/KDTM-ST

Ngày: 27-7-2020

V/v Tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Bích Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

2. Bà Vũ Thị Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quân – Thư ký Tòa án Nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Tánh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án Nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 23/2019/TLST-KDTM ngày 18 tháng 7 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2020/QĐXXST-KDTM ngày 05 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2020/QĐST-KDTM ngày 01 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng S

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà L, đường D, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền là Bà Đặng Thị Th, sinh năm: 1984, văn bản ủy quyền số 11/UQ-MK ngày 04/7/2019. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Phòng 9.16, Chung cư H, đường Nguyễn Duy Tr, phường P, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Dịch vụ Sản xuất Thương mại L

Địa chỉ: Số 180/68 đường Phạm Phú T, Phường D, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật là Bà Lê Thị Minh Ng, chức vụ Giám đốc (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 180/68 đường Phạm Phú T, Phường D, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/7/2019, bản tự khai nguyên đơn Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng S do bà Đặng Thị Th đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng S (sau đây ghi tắt là Công ty S) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Dịch vụ Sản xuất Thương mại L (sau đây ghi tắt là Công ty L) có ký 02 hợp đồng về việc cung cấp bê tông tươi và dịch vụ bơm bê tông.

Hợp đồng thứ nhất: Hợp đồng số 493/KD/2018/CC1-MK ngày 01/11/2018 về việc cung cấp bê tông tươi và dịch vụ bơm bê tông cho công trình chung cư tại địa chỉ số 99 Võ Chí Công, phường Thanh Mỹ Lợi, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh. Thực hiện hợp đồng, từ ngày 01/11/2018 đến 31/01/2019, Công ty S đã cung cấp cho Công ty L 370.5m³ bê tông tươi và dịch vụ bơm bê tông 335.5m³. Tổng giá trị bê tông tươi và tiền chi phí dịch vụ bơm bê tông là 530.375.000đ (năm trăm ba mươi triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Hợp đồng thứ hai: Hợp đồng số 530/KD/2018/CC1-MK ngày 15/11/2018 về việc cung cấp bê tông tươi và dịch vụ bơm bê tông cho công trình nhà phố tại địa chỉ số 262 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh. Thực hiện hợp đồng, từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/01/2019 Công ty S đã cung cấp cho Công ty L 302m³ bê tông tươi, dịch vụ bơm bê tông 152m³ và 02 ca bơm bê tông. Tổng giá trị thành tiền là 439.640.000đ (bốn trăm ba mươi chín nghìn, sáu trăm bốn mươi đồng).

Công ty S đã cung cấp đúng số lượng, chất lượng và dịch vụ theo hợp đồng mà hai bên đã ký nhưng Công ty L chỉ thanh toán cho Công ty S tổng số tiền là 320.000.000đ (ba trăm hai mươi triệu đồng). Số tiền nợ gốc còn lại của 02 hợp đồng là 650.015.000đ (sáu trăm năm mươi triệu, không trăm mười lăm nghìn đồng).

Việc không thanh toán số tiền nêu trên là vi phạm hợp đồng và gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty S. Do đó, Công ty S khởi kiện yêu cầu bị đơn là Công ty L thanh toán nợ gốc còn lại và tiền lãi chậm thanh toán theo quy định của 02 hợp đồng mà hai bên đã ký. Ngày 27/7/2020, nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi chậm thanh toán từ ngày ký xác nhận công nợ 01/7/2019 cho đến ngày 27/7/2020 theo quy định pháp luật về quyền tính lãi do chậm thanh toán là 106.169.117 đồng (một trăm lẻ sáu triệu, một trăm sáu mươi chín nghìn, một trăm mười bảy đồng).

Tổng cộng số tiền Công ty S yêu cầu Công ty L thanh toán tạm tính đến ngày 27/7/2020 là 756.184.117 đồng (bảy trăm năm mươi sáu triệu, một trăm tám mươi bốn nghìn một trăm mười bảy đồng) (trong đó nợ gốc là 650.015.000 đồng, lãi chậm thanh toán là 106.169.117 đồng). Công ty S yêu cầu Công ty L trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Dịch vụ Sản xuất Thương mại L do bà Lê Thị Minh Ng đại diện theo pháp luật vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa, bà Đặng Thị Th đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Dịch vụ Sản xuất Thương mại L do bà Lê Thị Minh Ngọc đại diện theo pháp luật vắng mặt tại phiên tòa và không có văn bản nêu ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy: Giữa nguyên đơn là Công ty S và bị đơn là Công ty L có ký kết hợp đồng số 493/KD/2018 ngày 01/11/2018 và hợp đồng số 530/KD/2018/CC1-MK ngày 15/11/2018 về việc cung cấp bê tông tươi và dịch vụ bơm bê tông. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty S đã cung cấp bê tông tươi và cung cấp dịch vụ bơm bê tông cho Công ty L nhưng Công ty L chưa thanh toán tiền. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn buộc Công ty L thanh toán số tiền nợ gốc và lãi phát sinh tạm tính tới ngày 27/7/2020 tổng cộng là 756.184.117 đồng (bảy trăm năm mươi sáu triệu, một trăm tám mươi bốn nghìn, một trăm mười bảy đồng) (trong đó nợ gốc là 650.015.000 đồng, lãi chậm thanh toán là 106.169.117 đồng) trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, các lời khai, ý kiến của đương sự, của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Dịch vụ Sản xuất Thương mại L do bà Lê Thị Minh Ngọc đại diện theo pháp luật đúng theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đặng Thị Th vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Dịch vụ Sản xuất Thương mại Lê Minh Ngọc do bà Lê Thị Minh Ngọc đại diện theo pháp luật đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không đến dự phiên tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án giải quyết vắng mặt theo thủ tục chung.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng S khởi kiện Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Dịch vụ Sản xuất Thương mại L tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa là bê tông tươi và dịch vụ bơm bê tông. Đây là tranh chấp về kinh doanh, thương mại quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.3]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có trụ sở tại địa chỉ số 180/68 đường Phạm Phú T, Phường D, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy Công ty S và Công ty L có ký 02 hợp đồng về việc cung cấp bê tông tươi và dịch vụ bơm bê tông. Hợp đồng số 493/KD/2018/CC1-MK ngày 01/11/2018 và Hợp đồng số 530/KD/2018/CC1-MK ngày 15/11/2018. Thực hiện hợp đồng mà hai bên đã ký, Công ty S đã cung cấp cho Công ty L 370.5m³ bê tông tươi và dịch vụ bơm bê tông 335.5m³ cho công trình chung cư tại địa chỉ số 99 Võ Chí Công, phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh và cung cấp cho Công ty L 302m³ bê tông tươi, dịch vụ bơm bê tông 152m³ và 02 ca bơm bê tông cho công trình nhà phố tại địa chỉ số 262 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

[2.2] Căn cứ hợp đồng số 493/KD/2018/CC1-MK ngày 01/11/2018, hợp đồng số 530/KD/2018/CC1-MK ngày 15/11/2018 và biên bản đối chiếu công nợ có xác nhận của bà Lê Thị Minh Ng là giám đốc Công ty thì Công ty S đã cung cấp bê tông cho Công ty L đúng như thỏa thuận mà hai bên đã ký.

[2.3] Tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 01/7/2019 có xác nhận giữa bên bán là Công ty S và bên mua là Công ty L thì số nợ còn lại mà Công ty L chưa thanh toán tính đến ngày 30/6/2019 là 650.015.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu, không trăm mười lăm nghìn đồng).

[2.4] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Tuy nhiên, bị đơn, người đại diện theo pháp luật của bị đơn không nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh đã thanh toán số tiền còn nợ là 650.015.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu, không trăm mười lăm nghìn đồng) cho nguyên đơn. Theo điều 4 của hợp đồng mua bán số 493/KD/2018/CC1-MK ngày 01/11/2018 và hợp đồng số 530/KD/2018/CC1-MK thì Công ty L phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nêu trên cho Công ty S. Lẽ ra, sau khi Công ty S cung cấp đủ số lượng hàng hóa thì Công ty L có trách nhiệm thanh toán tiền hàng như hai bên đã thỏa thuận. Nhưng đến nay chưa thanh toán là vi phạm hợp đồng mà hai bên đã ký, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào các Điều 24, 50 và 55 Luật Thương mại năm 2005, Điều 4 của hợp đồng mua bán số 493/KD/2018/CC1-MK ngày 01/11/2018 và Hợp đồng số 530/KD/2018/CC1-MK ngày 15/11/2018 giữa Công ty S và Công ty L thì yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc 650.015.000đ (sáu trăm năm mươi triệu, không trăm mười lăm nghìn đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về tiền lãi chậm thanh toán: Phía nguyên đơn yêu cầu Công ty L trả tiền lãi do chậm thanh toán từ ngày 01/7/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Điều 306 Luật thương mại 2005 quy định: “Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả...”. Theo đó mức lãi suất vay trung bình của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Á Châu, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam là 10% năm. Lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn nên mức lãi chậm trả là 15%/năm. Tiền lãi chậm thanh toán nguyên đơn đồng ý tính từ ngày đối chiếu công nợ là 01/7/2019 đến ngày xét xử là ngày 27/7/2020 là 01 năm 27 ngày.

Số tiền lãi chậm thanh toán: $650.015.000 \text{ đồng} \times 01 \text{ năm} 27 \text{ ngày} \times 15\% / \text{năm} = 106,169,117 \text{ đồng}$ (một trăm lẻ sáu triệu, một trăm sáu mươi chín nghìn, một trăm mười bảy đồng).

Tổng cộng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: $650.015.000 \text{ đồng} + 106,169,117 \text{ đồng} = 756.184.117 \text{ đồng}$ (bảy trăm năm mươi sáu triệu, một trăm tám mươi bốn nghìn, một trăm mười bảy đồng).

[4]. Về án phí: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 34.247.365 đồng (ba mươi bốn triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm sáu mươi lăm đồng) Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Dịch vụ Sản xuất Thương mại L chịu.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí Hoàn trả lại cho nguyên đơn là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng S số tiền tạm ứng án phí là 15.972.425đ (mười lăm triệu, chín trăm bảy mươi hai nghìn, bốn trăm hai mươi lăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0011402 ngày 18/7/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 6

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 4 Điều 207, Điều 218; khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 24, 50, 55, 306 Luật Thương mại năm 2005.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng S.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Dịch vụ Sản xuất Thương mại L thanh toán cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng S số tiền nợ gốc là 650.015.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu, không trăm mười lăm nghìn đồng), lãi chậm thanh toán là

106.169.117đồng (một trăm lẻ sáu triệu, một trăm sáu mươi chín nghìn, một trăm mười bảy đồng). Tổng cộng là 756.184.117đồng (bảy trăm năm mươi sáu triệu, một trăm tám mươi bốn nghìn một trăm mười bảy đồng)

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thực hiện tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng S cho đến khi thi hành án xong, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Dịch vụ Sản xuất Thương mại L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 34.247.365 đồng (ba mươi bốn triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn, ba trăm sáu mươi lăm đồng) do Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Dịch vụ Sản xuất Thương mại L chịu.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng S không phải chịu án phí Hồ sơ trả lại cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.972.425đ (mười lăm triệu, chín trăm bảy mươi hai nghìn, bốn trăm hai mươi lăm đồng) theo biên lai thu tiền số 0011402 ngày 18/7/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 6;
- Chi cục Thi hành án Quận 6;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thụy Bích Ngọc